

**ĐO LƯỜNG BẤT BÌNH ĐẲNG BẰNG CHỈ SỐ THEIL (Theil index)****Kết luận và kiến nghị**

*Th.S Hoàng Thị Thanh Hà**

Ở những bài viết đăng ở số 1, 2 và 3 của Tờ Thông tin Khoa học Thống kê, tác giả đã giới thiệu với độc giả về chỉ số Theil T và L, ứng dụng các thuộc tính của các chỉ số này trong phân tích về bất bình đẳng trong phân phối chi tiêu bình quân đầu người của hộ gia đình Việt Nam 3 năm 1993, 1998 và 2002, những yếu tố đóng góp vào bất bình đẳng của các cấu thành nội bộ nhóm và cấu thành giữa các nhóm của các tác nhân kinh tế xã hội như thành thị/nông thôn, vùng, tuổi của chủ hộ, giới tính, trình độ học vấn của chủ hộ, qui mô hộ. Bài viết này sẽ tập trung vào tổng kết và đưa ra kiến nghị cho các bài phân tích trước đây.

Tổng kết

Công cuộc *Đổi mới* đã làm thay đổi đáng kể diện mạo của đất nước, đặc biệt là nền kinh tế. Trong suốt một thập kỷ, từ năm 1993 đến năm 2002, Việt Nam đã đạt tăng trưởng kinh tế cao, tỷ lệ hộ nghèo giảm đáng kể. Hơn 20 triệu người đã thoát nghèo trong vòng chưa đầy 10 năm. Đây là một thành tựu cho thấy tăng trưởng kinh tế của Việt Nam đã mang lại nhiều lợi ích cho người nghèo.

Tuy nhiên, mặc dù tỷ lệ hộ nghèo đã giảm xuống rõ rệt nhưng bất bình đẳng lại gia tăng trong giai đoạn này. Hệ số Gini cho thấy bất bình đẳng chung tăng

dẫn từ 0,330 năm 1993 lên 0,350 năm 1998 và 0,374 năm 2002. Điều này hoàn toàn phù hợp với giả thuyết đường cong U ngược của Kuznet (Kuznet's inverted-U hypothesis) rằng phát triển kinh tế lúc đầu luôn đi cùng với tăng bất bình đẳng nhưng sau đó sẽ giảm khi lợi ích của quá trình phát triển lan toả rộng hơn (Ray, 1998).

Nghiên cứu này đi sâu tìm hiểu đóng góp của các yếu tố khác nhau vào bất bình đẳng chung bằng cách sử dụng kỹ thuật phân tích cấu thành của chỉ số Theil dựa trên chi tiêu bình quân đầu người của hộ gia đình từ ba cuộc điều tra hộ gia đình được thực hiện trong các năm 1992-1993, 1997-1998 và 2002. Kết quả cho thấy chênh lệch chi tiêu giữa khu vực nông thôn và khu vực thành thị là khá lớn, lên tới 2,37 lần trong năm 2002. Ngoài ra, đóng góp của cấu thành giữa các nhóm vào bất bình đẳng chung cũng tăng lên trong giai đoạn 1993-2002, chiếm 33,2% trong bất bình đẳng chung. Điều này cho thấy Chính phủ Việt Nam nên tập trung vào giảm bất bình đẳng giữa thành thị và nông thôn.

Bất bình đẳng giữa các vùng biến động qua các năm. Ban đầu, cấu thành giữa các vùng đóng góp vào bất bình đẳng chung tăng từ 12,9% năm 1993 lên 22,4% năm 1998, nhưng lại giảm xuống còn 17,6%

* Phó Vụ trưởng Vụ Thống kê nước ngoài và Hợp tác quốc tế - Tổng cục Thống kê

vào năm 2002. Điều này phần nào cho thấy chính sách của Chính phủ Việt Nam trong việc giảm bất bình đẳng giữa các vùng trong những năm gần đây đã đạt được những thành công nhất định. Bất bình đẳng chung sẽ giảm xuống khoảng 18% nếu không còn bất bình đẳng giữa các vùng. Các chính sách của Chính phủ Việt Nam cũng nên tập trung giảm bất bình đẳng trong từng vùng do bất bình đẳng trong từng vùng vẫn chiếm một tỷ lệ đáng kể trong bất bình đẳng chung.

Đóng góp của giáo dục vào bất bình đẳng chung ngày càng cao. Năm 1993, cấu thành giữa các nhóm chỉ đóng góp 7,9% vào bất bình đẳng chung, nhưng con số này đã tăng lên 14,6% năm 1998 và 20,3% năm 2002. Những người có trình độ giáo dục đại học có chỉ tiêu bình quân cao gấp 3,5 lần so với những người chưa bao giờ đến trường. Điều này cho thấy kết quả của đầu tư vào giáo dục tăng lên rất nhiều trong suốt thập kỷ nghiên cứu.

Ngược lại, kết quả nghiên cứu lại cho thấy bất bình đẳng giới không phải là một yếu tố chính trong tổng bất bình đẳng của Việt Nam do cấu thành giữa các nhóm chỉ chiếm 4% trong bất bình đẳng chung năm 2002. Số liệu cho thấy hộ gia đình có chủ hộ là nữ có chỉ tiêu bình quân đầu người cao hơn so với hộ gia đình có chủ hộ là nam. Do cấu thành giữa các nhóm chiếm tỷ lệ nhỏ trong bất bình đẳng chung, việc

xóa bỏ bất bình đẳng giới sẽ không giúp giảm bất bình đẳng chung nhiều.

Nghiên cứu cũng chỉ ra rằng chi tiêu thực tế của hộ gia đình sẽ đạt mức tối đa khi chủ hộ ở độ tuổi từ 50-59, nhưng sau nhóm tuổi này chi tiêu thực tế bình quân của hộ gia đình bắt đầu giảm. Đóng góp của cấu thành giữa các nhóm tuổi là không đáng kể vì chỉ chiếm khoảng 3% trong bất bình đẳng chung. Tương tự, chênh lệch chi tiêu bình quân trong cấu thành nội bộ các qui mô hộ gia đình chiếm một tỷ lệ lớn trong bất bình đẳng chung, khoảng 93%. Điều này cho thấy giải quyết bất bình đẳng trong từng nhóm quy mô hộ gia đình sẽ giúp giảm bất bình đẳng chung nhiều hơn là giải quyết bất bình đẳng giữa các nhóm quy mô hộ gia đình.

So sánh bất bình đẳng của Việt Nam với bất bình đẳng của các nước châu Á khác cũng giúp có thêm thông tin cần thiết để đưa ra các kiến nghị cho công cuộc xóa đói giảm nghèo và bất bình đẳng ở Việt Nam. Việc so sánh bất bình đẳng giữa các nước khá khó khăn do thiếu số liệu của các năm cần thiết và do sự khác biệt về cách tính bất bình đẳng giữa các nước. Bảng dưới đây cung cấp số liệu về bất bình đẳng chung và đóng góp của tác nhân thành thị/nông thôn tính theo phương pháp chỉ tiêu bình quân đầu người.

Cấu thành Chỉ số Theil L (theo chỉ tiêu bình quân đầu người) của một số nước châu Á

Nước	Nguồn	Năm	Bất bình đẳng chung	% giữa các nhóm	% nội bộ nhóm
Việt Nam	Tính toán của tác giả	2002	0,226	33,6	66,4
Indonesia	Alit (2006)	2002	0,258	28,3	71,7
Việt Nam	Tính toán của tác giả	1998	0,199	31,9	68,1

Indonesia	Alit (2006)	1996	0,212	21,1	78,9
Trung Quốc	Shorrocks và Wan (2005)	1994	0,330	37,7	62,3
Philippines	Shorrocks và Wan (2005)	1997	0,303	17,5	82,5

Bảng trên cho thấy trong giai đoạn từ 1994-1998, bất bình đẳng của Việt Nam là thấp nhất ở mức 0,199 theo chỉ số Theil L so với các mức 0,212; 0,303 và 0,330 tương ứng của Indonesia, Philippines và Trung Quốc. Năm 2002, mặc dù bất bình đẳng chung của Việt Nam đã tăng lên 0,226 nhưng vẫn thấp hơn so với mức 0,258 của Indonesia. Điều này cho thấy bất bình đẳng ở Việt Nam vẫn còn tương đối thấp so với các nước Đông Nam Á khác. Đóng góp của cấu thành giữa các nhóm (giữa thành thị và nông thôn) trong phân bố chi tiêu bình quân đầu người đã tăng lên đáng kể trong quá trình nghiên cứu, khá giống với kinh nghiệm của Trung Quốc và Indonesia trong cùng giai đoạn.

Mặc dù bất bình đẳng ở Việt Nam vẫn còn tương đối thấp trong so với các nước đang phát triển khác trong khu vực Đông Nam Á và Đông Á nhưng nỗ lực giảm tỷ lệ hộ nghèo sẽ gặp khó khăn nếu bất bình đẳng tăng lên cùng tăng trưởng kinh tế. Vì vậy, mặc dù bất bình đẳng ở Việt Nam chỉ tăng lên không đáng kể nhưng sự gia tăng này cũng sẽ tác động tiêu cực đến thành tựu xóa đói giảm nghèo trong tương lai.

Kiến nghị

Từ những phân tích trên đây, xin đề xuất một số khuyến nghị về chính sách như sau:

Thứ nhất, do chênh lệch chi tiêu bình quân đầu người hộ gia đình giữa thành thị và nông thôn chiếm tỷ lệ lớn trong bất bình đẳng chung nên Chính phủ cần ưu tiên phát triển khu vực nông thôn. Ở Việt Nam, người nghèo chủ yếu là nông dân sống ở khu vực nông thôn. Nguồn thu nhập chính của họ là từ hoạt

động nông nghiệp. Do đó, các chính sách nên tập trung vào tăng thu nhập từ nông nghiệp cho người dân sống ở nông thôn. Đầu tư vào hệ thống đường bộ, giáo dục, hệ thống thủy lợi, nghiên cứu và phát triển trong lĩnh vực nông nghiệp sẽ là những biện pháp hiệu quả và khả thi để nâng cao năng suất nông nghiệp. Theo Báo cáo Phát triển Việt Nam (UNDP, 2003), đầu tư của Chính phủ Việt Nam vào cải thiện hệ thống giao thông nông thôn đã mang lại hiệu quả xóa đói giảm nghèo cao nhất, tiếp theo đó là đầu tư vào giáo dục. Hơn nữa, Chính phủ Việt Nam nên tiếp tục thực hiện chính sách đa dạng hóa nông nghiệp bằng cách khuyến khích và đầu tư vào các hoạt động nông nghiệp tạo ra giá trị gia tăng cao như chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản hoặc nông sản có giá trị thương mại cao. Đồng thời, cần phải khuyến khích nông dân chuyển sang các hoạt động phi nông nghiệp thông qua công việc tự làm hoặc tham gia vào các lĩnh vực sản xuất mà họ có lợi thế so sánh. Rõ ràng là trong thập kỷ qua, tốc độ xóa đói giảm nghèo nhanh của khu vực nông thôn Việt Nam là kết quả của sự gia tăng các hoạt động phi nông nghiệp. Do đó, quy mô của lực lượng lao động nông thôn chỉ tham gia vào các hoạt động nông nghiệp đã giảm từ hai phần ba năm 1998 xuống 40% trong năm 2002. Vì vậy, nên tiếp tục khuyến khích hoạt động phi nông nghiệp trong khu vực nông thôn để duy trì tốc độ xóa đói giảm nghèo nhanh.

Thứ hai, mặc dù bất bình đẳng giữa các vùng đã giảm xuống trong năm 2002, các chính sách của Chính phủ Việt Nam vẫn cần tập trung giải quyết vấn

đề bất bình đẳng đã tồn tại rất lâu giữa các vùng. Đặc biệt, các tỉnh, thành phố có tốc độ phát triển nhanh chóng ở khu vực Đông Nam Bộ và Đồng bằng sông Hồng có sự chênh lệch rõ rệt với các tỉnh, thành phố khác ở các vùng còn chậm phát triển. Số liệu đầu tư của Nhà nước chia theo tỉnh cho thấy các nguồn đầu tư hiện nay chủ yếu tập trung ở các tỉnh phát triển nhất. Nguyên nhân có thể là do cho rằng đầu tư liên tục vào hai vùng này sẽ mang lại lợi nhuận kinh tế cao hơn, và lợi nhuận này sau đó có thể được phân phối lại cho các tỉnh nghèo khác. Tuy nhiên, chính sách như vậy có thể không đảm bảo được tăng trưởng bền vững trong dài hạn vì nó đòi hỏi sự cam kết mạnh mẽ cũng như nỗ lực cao của Chính phủ Việt Nam trong việc xây dựng và thực hiện chính sách chuyển giao từ các tỉnh phát triển nhất sang các tỉnh nghèo nhất. Do vậy, tốt hơn là nên đầu tư nhiều hơn vào các tỉnh càng nghèo. Trên thực tế, cơ sở hạ tầng của các tỉnh nghèo cần được cải thiện để trải thảm cho các nhà đầu tư. Hơn nữa, tăng cường chi tiêu công cho giao thông, đặc biệt là ở các vùng kém phát triển, là một yêu cầu cấp thiết đối với tăng trưởng kinh tế và khả năng phát triển của các khu vực này.

Thứ ba, cần áp dụng thêm các chính sách nhằm thúc đẩy sự phát triển của khu vực tư nhân. Trong những năm gần đây, việc làm gia tăng trong khu vực tư nhân là một trong những yếu tố quan trọng góp phần vào tăng trưởng kinh tế và xóa đói giảm nghèo. Nếu như lao động trong khu vực tư nhân năm 2000 là 236.000 người thì đến năm 2004, con số này đã tăng lên đến 432.000 người, tăng gần gấp đôi. Vì vậy, tập trung phát triển khu vực tư nhân một cách bền vững sẽ tiếp tục mang lại những kết quả tốt đẹp cho công cuộc xóa đói giảm nghèo tại Việt Nam.

Thứ tư, giáo dục luôn đóng vai trò vô cùng quan trọng trong công cuộc xóa đói giảm nghèo. Điều này đã được nhiều nghiên cứu chứng minh (Nguyễn và các cộng sự năm 2003, Bùi và các cộng sự năm

2001). Đóng góp của giáo dục vào cải thiện mức sống, đặc biệt là của người nghèo, là giúp làm tăng năng suất lao động, từ đó làm tăng khả năng tạo ra thu nhập và triển vọng việc làm. Phân tích trong nghiên cứu này cũng chỉ ra rằng người có trình độ giáo dục càng cao thì càng có mức chi tiêu cao hơn, và kết quả của đầu tư vào giáo dục đã tăng lên đáng kể trong những năm qua. Ngoài ra, một trong những vấn đề chủ yếu của lực lượng lao động Việt Nam hiện nay là tình trạng thiếu công nhân lành nghề. Vì vậy, Chính phủ cần đầu tư nhiều hơn nữa vào giáo dục, đặc biệt là đào tạo nghề, công nhân kỹ thuật.

Cuối cùng, di cư là một trong những vấn đề khó giải quyết nhất đối với các thành phố lớn của Việt Nam. Mỗi năm, khoảng một triệu người di cư từ nông thôn ra các thành phố lớn với hy vọng sẽ có thu nhập cao hơn. Tuy nhiên, những người di cư chính là những người phải gánh chịu nặng nề nhất những hậu quả của cơ sở hạ tầng thiếu thốn và các chính sách quản lý hành chính không hiệu quả. Người di cư tiếp tục phải đối mặt với khó khăn trong việc đăng ký hộ khẩu ở thành thị, từ đó hạn chế khả năng tiếp cận với các dịch vụ xã hội. Do đó, Chính phủ cần làm tốt công tác quy hoạch đô thị và có các chính sách tập trung vào phát triển cơ sở hạ tầng và cung cấp dịch vụ xã hội. Điều này là hết sức quan trọng đối với dòng người di cư lên đến hàng triệu người từ nông thôn vào các trung tâm đô thị của cả nước.

Các chính sách trên sẽ giúp công cuộc xóa đói giảm nghèo tiếp tục diễn ra với tốc độ khả quan trong tương lai.

Bài viết này dựa trên nguồn số liệu của ba cuộc điều tra hộ gia đình được thực hiện trong các năm 1992-1993, 1997-1998 và 2002. Do đó có thể chỉ có một số kiến nghị đưa ra ở trên còn có ý nghĩa. Rất hy vọng sẽ tiếp tục có những nghiên cứu khác tiếp tục bổ sung, cập nhật và hoàn thiện cho nghiên cứu này.